1. PHAÙ HOAÏI THÖÏC VAÄT60
   1. DUYEÂN KHÔÛI

Moät thôøi, Ñöùc Phaät ôû thaønh Khoaùng daõ. Theá Toân vì nhaân duyeân treân taäp hôïp caùc Taêng Tyø-kheo, baûo:

* Coù moät Tyø-kheo ôû nôi Khoaùng daõ, khi söûa chöõa phoøng oác, coá yù töï tay mình chaët caây phaûi khoâng?

Thöa:

* Baïch Ñöùc Theá Toân, thaät vaäy, coù chaët.

Ñöùc Theá Toân duøng voâ soá phöông tieän quôû traùch:

* Vieäc oâng laøm laø sai quaáy, chaúng phaûi oai nghi, chaúng phaûi phaùp Sa-moân, chaúng phaûi tònh haïnh, chaúng phaûi haïnh tuøy thuaän, laøm ñieàu khoâng neân laøm. Taïi sao söûa chöõa phoøng oác laïi töï tay chaët caây?

Ñöùc Theá Toân duøng voâ soá phöông tieän quôû traùch roài baûo caùc

Tyø- kheo:

* Nhöõng keû ngu si naøy, laø nôi troàng nhieàu gioáng höõu laäu, laø keû phaïm giôùi naøy ban ñaàu. Töø nay veà sau, Ta vì caùc Tyø-kheo kieát

giôùi, goàm möôøi cuù nghóa, cho ñeán caâu chaùnh phaùp toàn taïi laâu daøi.

Muoán noùi giôùi neân noùi nhö vaày:

***Tyø-kheo naøo, phaù hoaïi maàm gioáng thöïc vaät61, Ba-daät-ñeà.***

* 1. GIÔÙI TÖÔÙNG

Tyø-kheo: Nghóa nhö treân.

Thöïc vaät (quyû): Khoâng phaûi loaøi ngöôøi.

Maàm gioáng (thoân): Chæ chung cho taát caû coû caây. Chaët ñoán cho noù ngaõ xuoáng neân goïi laø phaù hoaïi.

Maàm gioáng (thoân) coù naêm loaïi: Cuû, nhaùnh, loùng, phuù la,

haït.62

1. Baûn Haùn, heát quyeån ll.
2. Pali, Paâc. ll. bhuøtagaøma.

6l. Nguyeân Haùn: Quyû thaàn thoân ⿁ 神 村 ; do dòch nghóa ñen. Pali, bhuøtagaøma, chuûng loaïi (haït gioáng) coù maàm soáng; Vin.A., (iv.76l) giaûi thích: jaøyanti vanmhanti jaøtaø vanmhitaø caøti attho,

chuùng sinh saûn, taêng tröôûng, vaø nhöõng caùi ñaõ sinh saûn, ñaõ taêng tröôûng. Nguõ phaàn 6, saùt sinh thaûo moäc 殺生草木. Taêng kyø l4: Hoaïi chuûng töû phaù quyû thoân 壞種子破⿁村. Thaäp tuïng: Chöôùc baït quyû thoân chuûng töû 斫拔⿁村種子. Caên baûn 27: Hoaïi chuûng töû höõu tình thoân 壞種子有情村. Pali: Bhuøtagaømapaøtavyataøya.

1. Haùn, naêm loaïi gioáng: Caên chuûng, chi chuûng, tieát chuûng, phuù la chuûng, chuûng töû chuûng. 根種枝種節生種覆羅種子種. Nguõ phaàn nt, boán loaïi: Töø reã, töø coïng, loùng, quaû 根種子莖種子節種子實種子. Taêng kyø nt, naêm loaïi: Töø reã, töø coïng, ruoät, loùng, quaû 根種莖種心種節種子種. Thaäp tuïng l2, naêm loaïi: Töø reã, töø coïng, loùng, töï ruïng, töø quaû 根種子莖種子節種子自落種子實種子.
   * Cuû: Nhö loaïi ha-leâ-ñaø, cuû göøng, öu-thi-la, maäu-tha-trí-tra, lö- kieän-ñaø-laâu vaø caùc loaïi cuû khaùc coù theå sanh ra maàm caây.6>
   * Nhaùnh: Nhö loaïi lieãu, xaù-ma-la, baø-heâ-tha64 vaø caùc loaïi nhaùnh khaùc coù theå sanh ra caây con.
   * Loùng: Nhö loaïi hoa toâ-man-na, toâ-la-baø, boà-heâ-na, la-laëc-lieäu65 vaø caùc loaøi töø loùng khaùc coù khaû naêng sanh ra caây.
   * Phuù la66: nhö loaïi caây mía, tre, lau, cuû ngoù67 vaø caùc loaïi phuù-la khaùc coù theå sanh ra caây.
   * Haït: Nhö caùc loaïi hoät sinh ra caây.

Caùc loaøi ñang coù söï soáng hay töôûng ñang coù söï soáng, töï mình caét ñöùt söï soáng, hoaëc sai ngöôøi khaùc chaët ñöùt söï soáng, hoaëc töï tay sao, hoaëc sai ngöôøi sao, hoaëc töï tay naáu, hoaëc sai ngöôøi naáu, Ba-daät-ñeà.

Neáu nghi ñang coù söï soáng, töï tay chaët ñöùt, sai ngöôøi chaët ñöùt söï soáng; töï mình sao, sai ngöôøi sao, töï tay naáu, sai ngöôøi naáu, Ñoät-kieát-la.

Ñang coù söï soáng töôûng laø chaúng coù söï soáng, töï tay chaët ñöùt, sai ngöôøi chaët ñöùt söï soáng, cho ñeán naáu, Ñoät-kieát-la.

Chaúng coù söï soáng töôûng laø coù söï soáng, töï tay chaët ñöùt, sai ngöôøi chaët ñöùt söï soáng, cho ñeán naáu, cuõng phaïm Ñoät-kieát-la.

Chaúng coù söï soáng maø nghi, töï tay chaët ñöùt, sai ngöôøi chaët ñöùt söï soáng, cho ñeán naáu, cuõng phaïm Ñoät-kieát-la.

Coû caây baûy thöù saéc: Xanh, vaøng, ñoû, traéng, ñen, xanh nhaït, tía. Caây coû ñang töôi soáng khôûi yù nghó caây coû töôi soáng, töï tay chaët ñöùt, sai ngöôøi chaët ñöùt, cho ñeán naáu, Ba-daät-ñeà.

Nghi laø caây coû ñang töôi soáng, töï tay chaët, sai ngöôøi chaët, cho ñeán naáu, Ba-daät-ñeà.

Caây coû ñang töôi soáng töôûng chaúng phaûi caây coû töôi soáng, töï tay chaët, sai ngöôøi chaët, cho ñeán naáu, Ñoät-kieát-la.

Chaúng phaûi caây coû ñang töôi soáng töôûng laø caây coû töôi soáng, töï mình chaët, sai ngöôøi chaët, cho ñeán naáu, Ñoät-kieát-la.

Nghi laø chaúng phaûi caây coû ñang töôi soáng, töï tay chaët, sai

ngöôøi

6>. Ha-leâ-ñaø 呵梨陀 (Pali: Haliddi: Cuû ngheä), öu-thi-la 憂尸羅 (Pali: usīra: Höông caên), ha-tha- trí-tra 貿(呵?)他致 (Skt. ativiā, Pali: ativisā, maïch ñoâng?), lö-kieän-ñaø-laâu 盧揵陀樓 (?)..

1. lieãu 柳, xaù-ma-la 舍摩羅, baø-la-heâ-tha 婆羅醯他(?). Thaäp tuïng nt, gioáng töø coïng: Thaïch löïu

石榴, boà-ñaøo 葡萄 (nho), döông lieãu 楊柳, sa-沙勒. Pali: assattho nỉgrodho pilako udumbaro kacchako kapithano.

1. Toâ-man-na 蘇 蔓 那 (Skt. sumanas; Pali: Sumanā, toá höông, nhuïc quan hoa, töông tôï hoa moàng gaø), toâ-la-baø 蘇羅婆 (Phieân phaïn ngöõ, T54n2l>0, tr.l049al6: Dòch laø haûo ñaéc 好得, Skt. sulabha?), boà-heâ-na 醯那 (?), la-laëc-lieäu 羅勒蓼 (?).
2. Phuù la 覆羅. Pali: Phaubīja: ucchu, veu, nāno, mía, tre vaø lau.
3. Cam giaù 甘蔗 (mía), truùc vó 竹葦 (tre vaø lau) ngaãu caên 藕根 (ngoù sen).

6

chaët, cho ñeán naáu, Ñoät-kieát-la.

Ñoùng noïc treân caây Ba-daät-ñeà. Duøng löûa ñoát treân caây coû ñang töôi soáng, Ba-daät-ñeà. Chaët caây coû ña phaàn ñang töôi soáng, Ba-daät-ñeà. Chaët caây coû phaân nöûa khoâ, phaân nöûa ñang töôi soáng, Ñoät-kieát-la. Neáu khoâng noùi: “Xem caùi naøy, bieát caùi naøy!” Ñoät-kieát-la.

Tyø-kheo-ni, Ba-daät-ñeà. Thöùc-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ñoät- kieát-la. Ñoù goïi laø phaïm.

Söï khoâng phaïm: Coù noùi, “Xem ñaây, bieát ñaây!” neáu chaët caây coû khoâ heùo vì doïn raøo daäu, deïp ñaù gaïch neân keùo caønh tre, caøy treân coû caây töôi soáng; hoaëc vì laáy phaân, hoaëc coû boø laáp ñöôøng duøng gaäy veït cho troáng ñeå ñi; hoaëc duøng gaïch ñaù laøm truï maø thöông toån ñeán caây coû; hoaëc doïn ñaát ñi kinh haønh; hoaëc queùt choã thöôøng ñi tôùi ñi lui; hoaëc nhaàm coû caây soáng maø chaët, hoaëc duøng caây gaäy choáng xuoáng ñaát maø caây coû bò ñöùt taát caû ñeàu khoâng phaïm.

Ngöôøi khoâng phaïm: Phaïm laàn ñaàu tieân khi chöa cheá giôùi, si cuoàng, loaïn taâm, thoáng naõo, böùc baùch.